

Lâm Đồng, ngày 22 tháng 7 năm 2026

**BẢN SO SÁNH/THUYẾT MINH NỘI DUNG DỰ THẢO
NGHỊ QUYẾT QUY ĐỊNH NỘI DUNG CHI, MỨC CHI HOẠT ĐỘNG KHUYẾN NÔNG
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÂM ĐỒNG**

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật

Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh tại Văn bản số 10846/UBND-NNMT ngày 08/7/2026 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc triển khai Nghị định về Khuyến nông. Theo đó, giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương liên quan nghiên cứu, xây dựng dự thảo Nghị quyết nêu trên, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp chuyên đề tháng 9/2026 bảo đảm đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, quy định của pháp luật liên quan và theo thời hạn đã đề ra

Sở Nông nghiệp và Môi trường báo cáo thuyết minh nội dung dự thảo nghị quyết quy định nội dung chi, mức chi hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng như sau:

DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh Nghị quyết này quy định nội dung chi, mức chi từ nguồn ngân sách địa phương thực hiện hoạt động khuyến nông và chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng theo quy định tại Nghị định số 268/2026/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2026 của Chính phủ về khuyến nông. Những nội dung không quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo quy định tại Nghị định số 268/2026/NĐ-CP và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.	- Phù hợp với nội dung Dự thảo - Căn cứ khoản 1 Điều 1 Nghị định 268/2026/NĐ-CP ngày 01/7/2026 của Chính phủ.
Điều 2. Đối tượng áp dụng 1. Khuyến nông nhà nước, khuyến nông cộng đồng và các tổ chức, cá nhân khác	- Phù hợp với nội dung Dự thảo - Căn cứ khoản 2 Điều 1 Nghị định 268/2026/NĐ-CP ngày

thực hiện chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 268/2026/NĐ-CP. 2. Nông dân, chủ trang trại, tổ liên kết, tổ hợp tác, hợp tác xã, doanh nghiệp và các tổ chức, cá nhân khác hoạt động sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh nhận chuyển giao công nghệ theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 268/2026/NĐ-CP. 3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc lập, phân bổ, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí khuyến nông địa phương trên địa bàn tỉnh.	01/7/2026 của Chính phủ.
Điều 3. Nguyên tắc quản lý, sử dụng kinh phí và hỗ trợ hoạt động khuyến nông 1. Ngân sách địa phương hỗ trợ hoạt động khuyến nông, chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp trên cơ sở định mức kinh tế - kỹ thuật khuyến nông do cấp có thẩm quyền ban hành, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của từng địa bàn và khả năng cân đối ngân sách địa phương; không hỗ trợ trùng lặp trong cùng một nội dung với nguồn đầu tư khác của Nhà nước. 2. Các hoạt động khuyến nông sử dụng ngân sách nhà nước thực hiện theo phương thức giao nhiệm vụ hoặc đặt hàng hoặc đấu thầu theo quy định của pháp luật hiện hành. 3. Cơ quan, đơn vị được giao kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông có trách nhiệm công khai chế độ, định mức, tiêu chuẩn, mức chi cho đối tượng thụ hưởng theo quy định; sử dụng kinh phí đúng mục đích, đúng định mức, chế độ chi tiêu tài chính hiện hành; chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan chức năng có thẩm quyền; thực hiện quyết toán kinh phí theo quy định. 4. Đối với các nội dung chi phục vụ hoạt động khuyến nông chưa được quy định mức chi cụ thể tại Nghị quyết này thì Thủ trưởng cơ quan, đơn vị được giao kinh phí quyết định mức chi trong phạm vi dự toán được giao, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành về chế độ chi tiêu tài chính và chịu trách nhiệm về quyết định của mình. 5. Khuyến khích, thu hút, huy động các nguồn lực xã hội và đối ứng của tổ chức, cá nhân để mở rộng quy mô, đối tượng tham gia, thụ hưởng hoạt động khuyến nông; ưu tiên hoạt động khuyến nông tại địa bàn kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; ưu tiên phụ nữ, đồng bào dân tộc thiểu số tham gia hoạt động khuyến nông theo quy định tại Điều 3, Điều 16 Nghị định số 268/2026/NĐ-CP.	- Căn cứ Nghị định số 268/2026/NĐ-CP ngày 01/7/2026 của Chính phủ - Căn cứ Thông tư 75/2019/TT-BTC ngày 04/11/2019 của Bộ Tài chính - Căn cứ Nghị quyết số 32/2025/NQ-HĐND ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 4. Chi đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng

1. Nội dung và phương thức tổ chức đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng thực hiện theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 268/2026/NĐ-CP và hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

2. Mức chi:

a) Chi biên soạn chương trình, giáo trình, tài liệu bồi dưỡng, đào tạo, tập huấn: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 76/2018/TT-BTC ngày 17 tháng 8 năm 2018 của Bộ Tài chính về hướng dẫn nội dung, mức chi xây dựng chương trình đào tạo, biên soạn giáo trình môn học đối với giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp.

b) Chi thù lao giảng viên, trợ giảng; phụ cấp tiền ăn giảng viên, trợ giảng; chi phí đưa, đón, bố trí nơi ở cho giảng viên, trợ giảng; chi thù lao hướng dẫn viên tham quan, thực hành thao tác kỹ thuật: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 100/2025/TT-BTC ngày 28 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức và Nghị quyết số 32/2025/NQ-HĐND ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi công tác phí và mức chi hội nghị tại các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc tỉnh Lâm Đồng.

c) Chi in ấn tài liệu, giáo trình trực tiếp phục vụ lớp học (không bao gồm tài liệu tham khảo); tổ chức cho học viên đi khảo sát, thực tế (nếu có); thuê hội trường, phòng học, thiết bị phục vụ học tập (nếu có); vật tư thực hành lớp học; thuê phiên dịch và biên dịch (nếu có); chi tổ chức khai giảng, bế giảng, in chứng chỉ, chi tiền thuốc y tế thông thường cho học viên (nếu học viên ốm); chi khác phục vụ trực tiếp lớp học (điện, nước, thông tin liên lạc, văn phòng phẩm, vệ sinh, trông giữ xe và các khoản chi trực tiếp khác): mức chi theo thực tế trong phạm vi dự toán được duyệt. Đối với chi giải khát giữa giờ: áp dụng theo quy định của Nghị quyết số 32/2025/NQ-HĐND ngày 27 tháng 10 năm 2025.

d) Chi hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại, nơi ở, tài liệu học trong thời gian tham dự đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng, khảo sát học tập khuyến nông cho đối tượng nhận chuyển giao công nghệ và đối tượng chuyển giao công nghệ:

- Đối tượng chuyển giao công nghệ quy định tại khoản 2 Điều 13 Nghị định số 268/2026/NĐ-CP ngày 01/7/2026 của Chính phủ về khuyến nông được hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo).

Ngoài ra, đối tượng không hưởng lương từ ngân sách nhà nước được hỗ trợ thêm

- Nhằm gắn đào tạo với thực tiễn sản xuất và phát triển nguồn nhân lực nông nghiệp, thu hút lực lượng trẻ tham gia lĩnh vực nông nghiệp

- Nhằm chuẩn hoá học liệu đào tạo, phát triển học liệu điện tử đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số trong hoạt động khuyến nông.

- Đáp ứng yêu cầu chuyển đổi tư duy sản xuất nông nghiệp sang tư duy kinh tế nông nghiệp, đồng thời phù hợp định hướng phát triển nông nghiệp xanh, sử dụng hiệu quả tài nguyên và thích ứng với biến đổi khí hậu

- Căn cứ Nghị định số 268/2026/NĐ-CP ngày 01/7/2026 của Chính phủ

- Căn cứ Thông tư số 76/2018/TT-BTC ngày 17 tháng 8 năm 2018 của Bộ Tài chính.

- Căn cứ Thông tư số 100/2025/TT-BTC ngày 28 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính.

- Căn cứ Nghị quyết số 32/2025/NQ-HĐND ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Căn cứ Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính

- Căn cứ Thông tư số 12/2025/TT-BTC ngày 19/3/2025 của Bộ Tài chính.

- Căn cứ Thông tư số 102/2012/TT-BTC ngày 21 tháng 6 năm 2012 của Bộ Tài chính

- Căn cứ Thông tư 75/2019/TT-BTC ngày 04/11/2019 của Bộ Tài chính

- Căn cứ Chương trình Khuyến nông giai đoạn 2026-2030 được phê duyệt tại Quyết định số 2612/QĐ-UBND ngày 18/12/2025 của UBND tỉnh Lâm Đồng

100% chi phí tiền ăn theo mức quy định tại Nghị quyết 32/2025/NQ-HĐND ngày 27/10/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh; hỗ trợ tiền đi lại không quá 200.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 15 km trở lên. Riêng đối với người khuyết tật và người học cư trú ở xã, thôn, bản thuộc vùng khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, hỗ trợ tiền đi lại không quá 300.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 05 km trở lên. - Đối tượng nhận chuyển giao công nghệ theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Nghị định số 268/2026/NĐ-CP ngày 01/7/2026 của Chính phủ được hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo), tiền ăn, tiền đi lại. Đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở cho các học viên thì đơn vị được hỗ trợ chi phí dịch vụ, gồm chi phí điện, nước, chi phí khác (nếu có); trường hợp thuê chỗ ở cho học viên thì được hỗ trợ 100% chi phí thuê phòng nghỉ theo mức quy định tại Nghị quyết 32/2025/NQ-HĐND ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh. đ) Chi khảo sát, học tập trong và ngoài nước: Đối với khảo sát, học tập trong nước, mức chi theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính. , được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 12/2025/TT-BTC. Đối với khảo sát, học tập ngoài nước, mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 140/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí. e) Một số nội dung chi khác: thực hiện theo quy định tại Thông tư 75/2019/TT-BTC ngày 04/11/2019 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông.	
Điều 5. Chi thông tin, truyền thông 1. Nội dung và phương thức tổ chức thông tin, truyền thông thực hiện theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 268/2026/NĐ-CP. 2. Ngân sách địa phương hỗ trợ tối đa 100% kinh phí thực hiện các nội dung thông tin, truyền thông khuyến nông trên phương tiện thông tin đại chúng; xuất bản bản tin, tài liệu, ấn phẩm khuyến nông; tổ chức sự kiện khuyến nông (hội nghị, hội thảo, hội thi, hội chợ, triển lãm, diễn đàn, tọa đàm); xây dựng, vận hành, cập nhật, quản lý, chia sẻ, kết nối cơ sở dữ liệu, cổng/trang thông tin điện tử, nền tảng số khuyến	- Nhằm đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số và đa dạng hóa phương thức đào tạo trong hoạt động khuyến nông. - Căn cứ Nghị định số 268/2026/NĐ-CP ngày 01/7/2026 của Chính phủ - Căn cứ Thông tư 75/2019/TT-BTC ngày 04/11/2019 của Bộ Tài chính - Căn cứ Nghị quyết số 32/2025/NQ-HĐND ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

nông và các hình thức thông tin, truyền thông khuyến nông khác theo khoản 1 Điều 14 Nghị định số 268/2026/NĐ-CP, cụ thể: a) Thông tin tuyên truyền qua hệ thống truyền thông đại chúng; xuất bản tạp chí, tài liệu và các loại ấn phẩm khuyến nông; bản tin, trang thông tin điện tử khuyến nông: Thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 5 Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông. Riêng mức chi nhuận bút cho tác phẩm: Thực hiện theo Nghị định số 18/2014/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2014 của Chính phủ quy định về chế độ nhuận bút trong lĩnh vực báo chí, xuất bản. b) Chi tổ chức diễn đàn, tọa đàm, hội thảo, tham quan học tập; tổ chức hội nghị sơ kết, tổng kết khuyến nông: - Nội dung chi, mức chi: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 32/2025/NQ-HĐND ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi công tác phí và mức chi hội nghị tại các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc tỉnh Lâm Đồng. - Riêng mức chi cho chủ tọa, báo cáo viên, bồi dưỡng viết báo cáo tham luận tại diễn đàn, tọa đàm, hội thảo về khuyến nông: Thực hiện theo định mức chi đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền ban hành đang áp dụng tại địa phương. c) Chi tổ chức hội chợ, triển lãm hàng nông nghiệp Việt Nam cấp khu vực, cấp quốc gia: Thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 5 Thông tư số 75/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính. đ) Chi tổ chức hội thi, tuyên truyền, vận động về các hoạt động khuyến nông: Thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 5 Thông tư số 75/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính. e) Chi ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu thông tin khuyến nông: Thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 5 Thông tư số 75/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính. 3. Người tham gia sự kiện khuyến nông được hỗ trợ chi phí tài liệu, đi lại, tiền ăn, nơi ở theo mức chi quy định tại điểm d khoản 2 Điều 4 Nghị quyết này.	- Căn cứ Chương trình Khuyến nông giai đoạn 2026-2030 được phê duyệt tại Quyết định số 2612/QĐ-UBND ngày 18/12/2025 của UBND tỉnh Lâm Đồng
Điều 6. Chi xây dựng mô hình trình diễn và nhân rộng mô hình 1. Nội dung, phương thức, quy mô, định mức kinh tế - kỹ thuật xây dựng mô hình	- Căn cứ theo nhu cầu thực tế và Chương trình Khuyến nông giai đoạn 2026-2030 được phê duyệt tại Quyết định số

trình diễn và nhân rộng mô hình thực hiện theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 268/2026/NĐ-CP và hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. 2. Chính sách hỗ trợ xây dựng mô hình: a) Mô hình trình diễn ở địa bàn kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, vùng dân tộc thiểu số và miền núi, địa bàn bị ảnh hưởng của thiên tai, dịch bệnh, dịch hại theo công bố của cấp có thẩm quyền (trong thời hạn không quá 03 năm) được hỗ trợ tối đa 100% tổng chi phí xây dựng mô hình. b) Mô hình triển khai trên địa bàn khác được hỗ trợ tối đa 50% tổng chi phí xây dựng mô hình; 50% còn lại, đối tượng nhận chuyển giao tự mua sắm, được thể hiện thông qua biên bản kiểm tra hiện trường của đơn vị chuyển giao hoặc hóa đơn mua sắm. c) Hỗ trợ 100% chi phí triển khai mô hình; hỗ trợ tối đa 100% chi phí tư vấn, đào tạo để được cấp chứng nhận tiêu chuẩn chất lượng, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh, mã số vùng trồng, truy xuất nguồn gốc, chỉ dẫn địa lý đối với các sản phẩm của mô hình d) Hỗ trợ tối đa 100% kinh phí triển khai, tập huấn kỹ thuật và chi thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình trình diễn; mức chi thuê cán bộ kỹ thuật được thực hiện theo hình thức khoán, bằng mức lương cơ sở/tháng. 3. Chính sách hỗ trợ nhân rộng mô hình: a) Hỗ trợ tối đa 100% chi phí thông tin, truyền thông, hội nghị, hội thảo, tham quan học tập, phổ biến nhân rộng mô hình theo mức chi quy định tại Điều 5 Nghị quyết này; b) Hỗ trợ chi phí về giống, thiết bị, vật tư thiết yếu để nhân rộng mô hình, mức hỗ trợ tối đa bằng 60% chi phí xây dựng mô hình quy định tại khoản 2 Điều này; 40% còn lại, đối tượng nhận chuyển giao tự mua sắm, được thể hiện thông qua biên bản kiểm tra hiện trường của đơn vị chuyển giao hoặc hóa đơn mua sắm. c) Các hộ nông dân tham gia nhân rộng mô hình có gắn với liên kết chuỗi giá trị thì được hưởng chính sách hỗ trợ về phát triển chuỗi liên kết theo quy định hiện hành. 4. Chi tập huấn kỹ thuật, sơ kết, tổng kết mô hình (tài liệu, văn phòng phẩm, vật tư thực hành, thuê hội trường, trang thiết bị, xăng xe, hỗ trợ tiền ăn, tiền nước uống, bồi dưỡng giảng viên/báo cáo viên): thực hiện theo mức chi quy định tại Điều 4 Nghị quyết này.	2612/QĐ-UBND ngày 18/12/2025 của UBND tỉnh Lâm Đồng - Căn cứ Nghị định số 268/2026/NĐ-CP ngày 01/7/2026 của Chính phủ - Căn cứ Thông tư 75/2019/TT-BTC ngày 04/11/2019 của Bộ Tài chính - Căn cứ Nghị quyết số 32/2025/NQ-HĐND ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh.
Điều 7. Chi tư vấn và dịch vụ khuyến nông	- Căn cứ theo nhu cầu thực tế.

1. Nội dung, phương thức tổ chức tư vấn và dịch vụ khuyến nông thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. 2. Mức chi: a) Đối với tư vấn thông qua đào tạo, tập huấn, diễn đàn, tọa đàm: áp dụng mức chi quy định tại Điều 4 Nghị quyết này; b) Đối với tư vấn thông qua phương tiện truyền thông, diễn đàn, tọa đàm: áp dụng mức chi quy định tại Điều 5 Nghị quyết này; c) Đối với tư vấn trực tiếp, tư vấn và dịch vụ thông qua thỏa thuận, hợp đồng: mức chi thực hiện theo thỏa thuận, hợp đồng, căn cứ quy định pháp luật liên quan.	- Căn cứ Nghị định số 268/2026/NĐ-CP ngày 01/7/2026 của Chính phủ - Căn cứ Thông tư 75/2019/TT-BTC ngày 04/11/2019 của Bộ Tài chính - Căn cứ Nghị quyết số 32/2025/NQ-HĐND ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh.
Điều 8. Chi hợp tác quốc tế về khuyến nông 1. Nội dung, phương thức tổ chức hợp tác quốc tế về khuyến nông, chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. 2. Mức chi: a) Thực hiện theo quy định hiện hành, theo hiệp định, nghị định thư hoặc thỏa thuận, hợp đồng chuyển giao công nghệ giữa các tổ chức, cá nhân trong nước với tổ chức, cá nhân nước ngoài; b) Đón tiếp đoàn khách nước ngoài vào làm việc, tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam: thực hiện theo mức chi quy định tại văn bản hiện hành của Bộ Tài chính về chế độ tiếp khách nước ngoài, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế và chế độ chi tiếp khách trong nước.	- Căn cứ theo nhu cầu thực tế. - Căn cứ Nghị định số 268/2026/NĐ-CP ngày 01/7/2026 của Chính phủ - Căn cứ Thông tư 75/2019/TT-BTC ngày 04/11/2019 của Bộ Tài chính - Căn cứ Nghị quyết số 32/2025/NQ-HĐND ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh.
Điều 9. Chi quản lý chương trình, kế hoạch, dự án, nhiệm vụ khuyến nông 1. Kinh phí quản lý chương trình, kế hoạch, dự án, nhiệm vụ khuyến nông tối đa bằng 8% tổng kinh phí thực hiện hoạt động khuyến nông, trong đó tối đa 3% dành cho cơ quan quản lý khuyến nông và tối đa 5% dành cho tổ chức thực hiện hoạt động khuyến nông, theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 19 Nghị định số 268/2026/NĐ-CP; nội dung, mức kinh phí quản lý cụ thể được lập, thẩm định, phê duyệt cùng dự toán chương trình, kế hoạch, dự án, nhiệm vụ khuyến nông theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước. 2. Nội dung chi thuộc kinh phí quản lý gồm: xây dựng cơ chế, chính sách, định mức kinh tế - kỹ thuật khuyến nông; hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ; khảo sát, đánh giá, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu, quyết toán, tổng kết, báo cáo và quản lý chương trình, dự án, nhiệm vụ khuyến nông; chi hội đồng tư vấn, thẩm định, đánh giá,	- Căn cứ theo nhu cầu thực tế. - Căn cứ Nghị định số 268/2026/NĐ-CP ngày 01/7/2026 của Chính phủ - Căn cứ Thông tư 75/2019/TT-BTC ngày 04/11/2019 của Bộ Tài chính - Căn cứ Nghị quyết số 32/2025/NQ-HĐND ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

nghiệm thu; chi thuê chuyên gia, lao động (nếu có), làm thêm giờ, văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, điện, nước, công tác phí, xăng dầu, thuê phương tiện và chi khác theo định mức, chế độ tài chính hiện hành; đối với công tác tổ chức thực hiện, quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu, quyết toán tại đơn vị chủ trì và đơn vị triển khai thực hiện, mức chi thực hiện theo quy định hiện hành.	
Điều 10. Nội dung chi khác 1. Thuê chuyên gia trong và ngoài nước phục vụ hoạt động khuyến nông, chuyển giao công nghệ, đánh giá hiệu quả, tác động của khuyến nông: mức chi theo quy định hiện hành về mức lương đối với chuyên gia tư vấn làm cơ sở dự toán gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn. 2. Mua bản quyền tác giả, công nghệ mới phù hợp để chuyển giao gắn với chương trình, dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt: mức chi theo hợp đồng hoặc thỏa thuận giữa các bên liên quan theo quy định pháp luật. 3. Mua sắm, sửa chữa, nâng cấp trang thiết bị phục vụ hoạt động khuyến nông: thực hiện theo chế độ, tiêu chuẩn, định mức và dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt. 4. Hỗ trợ kinh phí hoạt động của tổ, nhóm khuyến nông cộng đồng: mức chi theo quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền, trong phạm vi dự toán được giao. 5. Các khoản chi khác phục vụ hoạt động khuyến nông theo quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền và quy định của pháp luật hiện hành.	- Căn cứ theo nhu cầu thực tế. - Căn cứ Nghị định số 268/2026/NĐ-CP ngày 01/7/2026 của Chính phủ - Căn cứ Thông tư 75/2019/TT-BTC ngày 04/11/2019 của Bộ Tài chính - Căn cứ Nghị quyết số 32/2025/NQ-HĐND ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh.
Điều 11. Nguồn kinh phí Kinh phí khuyến nông địa phương (cấp tỉnh và cấp xã) được hình thành từ các nguồn theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Nghị định số 268/2026/NĐ-CP, gồm: ngân sách địa phương bố trí cho chương trình, kế hoạch, dự án, nhiệm vụ khuyến nông thuộc nhiệm vụ chi của địa phương; nguồn thu từ tư vấn và dịch vụ khuyến nông; tài trợ, đóng góp hợp pháp của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; nguồn thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.	- Căn cứ theo nhu cầu thực tế. - Căn cứ Nghị định số 268/2026/NĐ-CP ngày 01/7/2026 của Chính phủ - Căn cứ Thông tư 75/2019/TT-BTC ngày 04/11/2019 của Bộ Tài chính - Căn cứ Nghị quyết số 32/2025/NQ-HĐND ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh.
Điều 12. Lập dự toán, phân bổ, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí 1. Việc lập dự toán, phân bổ, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí khuyến nông địa phương thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Điều 20 Nghị định số 268/2026/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn hiện hành. 2. Hằng năm, căn cứ chương trình, kế hoạch khuyến nông được cấp có thẩm quyền phê duyệt và nội dung chi, mức chi quy định tại Nghị quyết này, Sở Nông nghiệp và	- Căn cứ theo nhu cầu thực tế. - Căn cứ Nghị định số 268/2026/NĐ-CP ngày 01/7/2026 của Chính phủ - Căn cứ Thông tư 75/2019/TT-BTC ngày 04/11/2019 của Bộ Tài chính - Căn cứ Nghị quyết số 32/2025/NQ-HĐND ngày 27 tháng 10

Môi trường (Trung tâm Khuyến nông) lập dự toán kinh phí khuyến nông cấp tỉnh, tổng hợp chung trong dự toán ngân sách của Sở; Ủy ban nhân dân cấp xã lập dự toán kinh phí khuyến nông cấp xã theo phân cấp ngân sách, gửi cơ quan tài chính cùng cấp tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước. 3. Việc kiểm soát, thanh toán các khoản chi khuyến nông qua Kho bạc Nhà nước thực hiện theo quy định hiện hành về chế độ kiểm soát, thanh toán các khoản chi ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước.	năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh.
Điều 13. Bãi bỏ văn bản Bãi bỏ toàn bộ 03 Nghị quyết sau đây kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành: - Nghị quyết số 186/2020/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng (trước hợp nhất) quy định nội dung chi, mức chi hoạt động khuyến nông; - Nghị quyết số 17/2020/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông (trước hợp nhất) quy định nội dung chi, mức chi hoạt động khuyến nông; - Nghị quyết số 02/2021/NQ-HĐND ngày 27 tháng 4 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Thuận (trước hợp nhất) quy định nội dung chi, mức chi hoạt động khuyến nông.	- Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025; - Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 187/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;
Điều 14. Điều khoản chuyển tiếp Đối với các chương trình, kế hoạch, dự án, nhiệm vụ khuyến nông đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt dự toán trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành và đang triển khai thực hiện thì được tiếp tục thực hiện theo dự toán đã phê duyệt cho đến khi hoàn thành, nghiệm thu, quyết toán; trường hợp điều chỉnh, bổ sung thì thực hiện theo quy định tại Nghị quyết này.	- Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025; - Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 187/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;
Điều 15. Tổ chức thực hiện	- Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này; chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện, định kỳ báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định. 2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này. 3. Trong quá trình thực hiện, trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó; trường hợp có khó khăn, vướng mắc, giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp, báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.	64/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025; - Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 187/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật; - Căn cứ Điều 22 Nghị định 268/2026/NĐ-CP ngày 01/7/2026 của Chính phủ.
--	--